

Suy nghĩ về khái niệm "cơ cấu xã hội" trong nghiên cứu xã hội học

NGÔ THÀNH*

Cũng như nhiều ngành khoa học khác, xã hội học vào nước ta bằng con đường khái niệm và thuật ngữ song song du nhập, đôi khi thuật ngữ lại đi trước khái niệm. Đó là một lý do làm rắc rối cho việc tiếp thu khái niệm, thậm chí đi đến hiểu lầm theo kiểu duy danh đình nghĩa. Cái khái niệm mà nhiều ngành khoa học tiếp nhận từ các nước khác về dưới tên gọi Structure, được dịch sang tiếng Việt là kết cấu, cấu trúc, cơ cấu, đôi khi là kiến tạo, cấu tạo, và do đó từ phái sinh của nó là *Structuralism* khi thì được gọi là chủ nghĩa cấu trúc, chủ nghĩa kết cấu khi thì được gọi là cấu trúc luận.

Do sử dụng lâu ngày thành quen, các từ trên khi ghép với từ khác có khả năng gây ra cách hiểu khác, chẳng hạn cơ cấu gia đình có thể bị hiểu khác với cấu trúc gia đình (trong tiếng Việt). Sự thật thì các tác giả của khái niệm Structure đã cố gắng gán cho nó một định nghĩa để làm việc, tạm thống nhất với nhau như sau: "Structure là tổng các mối liên hệ bền vững của đối tượng, đảm bảo cho tính hoàn chỉnh và đồng nhất của chính sách đối tượng đó tức là bảo tồn được các thuộc tính cơ bản khi có những sự biến đổi bên ngoài và bên trong" (*Từ điển bách khoa Liên Xô*, 1982).

Song điều đáng tiếc và phức tạp hơn nhiều lại là: Chính từ cái nguồn mà ta du nhập khái niệm Structure, các tác giả cũng còn có nhiều điều không nhất trí với nhau khi vận dụng kết hợp khái niệm này với các khái niệm khác. Chẳng hạn: cái mà Durkheim gọi là loại hình xã hội thì lại chính là cái *tổ chức xã hội* mà ngày nay ta thường gọi, nhất là khi nói về các xã hội tổng thể chứ không phải các tổ chức xã hội nhỏ (như nhà máy, gia đình, cơ quan. . .).

Raymond Firth lại gọi *tổ chức xã hội là cơ cấu xã hội*, bởi vì khi nói tổ chức xã hội người ta thường lẫn với *tổ chức* cụ thể (trường đại học, viện nghiên cứu, xí nghiệp, công ty, bệnh viện, đơn vị quân đội. . .) đôi khi lại có người dùng thuật ngữ *hình thái xã hội* để chỉ cái mà ta thường gọi là *tổ chức xã hội* như Georg Simmel và những người theo ông như E. Franklin Frazier).

Trong mớ hỗn độn về thuật ngữ như vậy - và cũng là điều tất nhiên trên con đường đi tìm chân lý - để hiểu và có thể làm việc được với khái niệm cơ cấu xã hội, có lẽ chúng ta cần bắt đầu từ một thí dụ cụ thể:

Viện Xã hội học là một viện nghiên cứu. Sở dĩ Viện Xã hội học khác với các viện nghiên cứu khác vì nó có nhận dạng "nó là nó", những người trong viện này có nét chung nào đó để họ không phải là cán bộ của một viện nào khác. Đến lượt các viện nghiên cứu nói chung cũng vậy, đó là viện nghiên cứu tất phải có những nét để nó là viện nghiên cứu mà không phải nhà máy, bệnh viện, trường học, gia đình hay tổ chức xã hội nào khác. Trong một tổ chức xã hội (như viện nghiên cứu mà chúng ta đang lấy làm thí dụ), người ta thấy có hai loại yếu tố đối lập nhau: đó là yếu tố *văn hóa* và yếu tố *cơ cấu*:

Mọi người trong một viện nghiên cứu đều hành động theo một thứ văn hóa chung cho tất cả các viện nghiên cứu và đồng thời lại riêng cho mỗi viện (như Viện Xã hội học chẳng hạn). Họ cố chung những giá trị, chân lý, mục tiêu và chuẩn thường được gọi là các *yếu tố văn hóa*. Chẳng hạn như đã là người của viện nghiên cứu thì đều coi trọng tri thức, nghiên cứu, lao động trí óc. . . công trình xuất bản. . . Giả sử có một viện trường nào đó để xuất sự dốt nát, sự lười biếng, Bự coi thường học vấn, chắc chắn anh ta sẽ nhận được những phản ứng kịch liệt. Do cố giá trị, chân lý, mục tiêu và chuẩn chung như vậy, cho nên những người của các viện cố những mô hình ứng xử cụ thể tương ứng. Có những cách ứng xử là phổ biến cho mọi người (như yên lặng trật tự khi vào phòng nghiên cứu, thư viện, bỏ guốc dép, tắt thuốc lá khi vào phòng thí nghiệm, phòng máy). Có những cách ứng xử

* Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

tùy theo vai trò địa vị của mỗi người (như cán bộ phục vụ nghiên cứu cổ những nhiệm vụ khác với cán bộ nghiên cứu, trưởng phòng, viện trưởng, nhưng vẫn nhằm các giá trị, chân lý, mục tiêu và chuẩn chung nói trên).

Song bên cạnh những cái chung nói trên, có những yếu tố nhằm tổ chức (sắp xếp thành cơ cấu) các mối quan hệ của các cá nhân hành động: đó là vai trò, địa vị, quyền lực và uy tín, đôi khi còn là sự tham gia hay có mặt ở nơi này hay nơi khác. Những yếu tố này được gọi là yếu tố cơ cấu hay là những yếu tố không thuộc văn hóa. Ví dụ:

1. Điều kiện vật chất: gọi là một viện, nhưng viện lớn (vài trăm nhân viên) hay viện nhỏ (vài chục nhân viên), trụ sở rộng hay hẹp, ở tập trung hay phân tán, nhà cửa lạc hậu hay hiện đại, ở thủ đô hay ở nông thôn, đều là những nét quan trọng phải tính đến. Điều kiện vật chất này ảnh hưởng đến công việc và quan hệ xã hội của các thành viên trong viện. Chẳng hạn, phòng làm việc, thư viện, hội trường, khu tập thể và những thô bèn trong như: phương tiện làm việc sách báo, là những thứ tác động đến hoạt động của con người trong đó.

2. Yêu cầu về tài chính: Tài chính tác động mạnh đến hoạt động của các thành viên của viện, khi có tiền thì công việc phát triển, có khi vì thiếu tiền, công việc bị bỏ dở. Thái độ của người ta cũng chịu ảnh hưởng theo nhịp lên xuống của cung cấp tài chính.

3. Môi trường: Cũng là một yếu tố không thuộc văn hóa và tác động đến một viện nghiên cứu. Viện của một nước phát triển hay một nước lạc hậu, viện ở gần các viện nghiên cứu khác hay ở riêng lẻ một chỗ, viện thuộc một nước theo chế độ xã hội thế nào. . .

Ba yếu tố cơ cấu trên đây thường được các nhà xã hội học gọi là các yếu tố hình thái¹.

Lại có những yếu tố cơ cấu khác mang tính chất xã hội (chứ không phải hình thái như 3 yếu tố trên):

4. Thời gian hoạt động của viện, do đó mà nó có tuổi. Viện thành lập lâu đời hay mới thành lập đều có những ưu và nhược điểm của nó.

5. Các hình thức quan hệ xã hội: đoàn kết hay chia rẽ, đấu đố, thi đua hay cạnh tranh. . .

6. Mạng lưới các quan hệ xã hội : Viện trưởng một viện lớn có thể không cần có quan hệ với tất cả nhân viên, nhưng bắt buộc phải có quan hệ với một số người nhất định. *Thư* ký khoa học có thể không cần có quan hệ với người sửa chữa nhà cửa, người chữa điện, nhưng trưởng phòng quản trị chắc chắn phải quan hệ chặt chẽ với tất cả những người này.

7. Trật tự các quan hệ: Các quan hệ xã hội đều phát triển trong các tôn ti, tôn U được hình thành do việc phân cấp uy quyền (quyền lực), chức tước, địa vị, cấp bậc. . . cho nên cố sự phân biệt viện trưởng, viện phó, trưởng phó phòng, chuyên viên các loại.

8. Khung tổ chức chính thức: như viện, phòng, tổ, công đoàn, chi đoàn, chi bộ đôi khi là phong trào (nếu có tổ chức chính thức).

9. Những tổ chức tạm thời, không chặt chẽ, tự phát: nhóm bạn, nhóm chống đối tổ công tác, tổ chuẩn bị cho một công việc gì đó, đoàn công tác ngắn hạn.

10. Phân công lao động: Sở dĩ có những sự sắp xếp như trên là vì mỗi cá nhân hoặc nhóm trong 1 tổ chức được phân phối một loại công việc khác nhau. Qua sự phân công này mà con người có vai trò và địa vị của mình: viện trưởng, viện phó, trưởng phó phòng làm công việc nghiên cứu và lãnh đạo nghiên cứu, cán bộ làm công việc nghiên cứu, nhân viên làm công việc phục vụ nghiên cứu.

11. Nhiệm vụ, hoạt động: Mỗi cá nhân trong một tổ chức hàng ngày phải thực hiện một loạt hoạt động, hoặc nhiệm vụ: đọc sách, phân tích số liệu, làm bảng biểu, dự thảo luận, viết báo cáo, tiếp khách, sửa chữa nhà cửa, lái xe, cho mượn sách, đánh máy. . .

Như vậy ta thấy các yếu tố văn hóa *thống nhất* mọi con người trong tổ chức, trong khi các yếu tố cơ cấu *phân biệt* họ.

¹ Các yếu tố cơ cấu được chia thành 2 loại nhỏ = các yếu tố cơ cấu hình thái và các yếu tố cơ cấu có tính chất xã hội.

Văn hóa và cơ cấu trong tổ chức xã hội cần được hiểu theo ý nghĩa thuật ngữ xã hội học của chúng. Không thể chỉ hiểu như văn hóa trong "văn hóa nghệ thuật" hay cơ cấu trong "cơ cấu dân cư" "cơ cấu nghề nghiệp", . . . Do là hai khái niệm quan trọng trong xã hội học, đáng tiếc cho đến nay mặc dù có rất nhiều định nghĩa, song chưa có định nghĩa nào được đa số thỏa mãn. Có thể tạm dẫn ra một thử nghiệm định nghĩa khiêm tốn nhưng có vẻ có thể chấp nhận: "Xã hội học cũng như nhân học thường xuyên xoay quanh sự phân biệt cơ bản giữa *cơ cấu* (Structure) và *văn hóa* (culture) mà chưa đạt tới được những định nghĩa chính xác. Một mặt, từ góc độ cơ cấu, hiện thực xã hội được xem như nằm trong hình thức khách quan của nó, có nhấn mạnh đến các dữ liệu dân số học và kinh tế, đến một số khía cạnh của tổ chức xã hội (ví dụ như những khía cạnh được người ta diễn đạt bằng vai trò và địa vị), và về một số tập hợp có vẻ như đập ngay vào tri giác của người ta (như quốc gia hoặc giai cấp). Mặt khác, từ góc độ của các quan niệm khác nhau về văn hóa, thì hiện thực xã hội được trình bày như một hình dạng tinh thần hay là một "ý thức tập thể" như một thế giới tâm linh trong đó mọi cá nhân tham gia và qua đó mà họ được xác định họ là cái gì"².

Các yếu tố cơ cấu luôn luôn liên hệ chặt chẽ với các yếu tố văn hóa. Hai loại yếu tố này luôn luôn tương tác nhau, quy định nhau. Phân tích ra hai loại yếu tố này càng rõ ràng thì càng thuận lợi cho việc tổng hợp chúng, nhờ đó mà hiểu được một tổ chức xã hội.

Như vậy, nếu đi từ nguồn gốc là con người xã hội hành động (= kẻ hành động, có khi gọi là tác nhân) khi giao tiếp với người khác sẽ nảy sinh sự tác động lẫn nhau. (= tương tác), và nếu trong một tổ chức xã hội, tương tác này lặp đi lặp lại trở nên mô hình xã hội, thì hai mô hình lớn nhất, quan trọng nhất của tổ chức xã hội là văn hóa và cơ cấu xã hội. Do đó nghiên cứu về cơ cấu xã hội có thể hiểu theo hai cách:

1. Dựa vào thống kê dân số, lấy số liệu để biết rõ cơ cấu thu nhập, cơ cấu nghề nghiệp, cơ cấu tuổi cơ cấu giới tính, cơ cấu dân cư, . . . hoặc tiến hành những điều tra điểm để biết được cơ cấu xã hội trên một diện rộng.

2. Tiến hành những nghiên cứu để làm sáng tỏ những khía cạnh cụ thể của lý luận về cơ cấu xã hội như đã trình bày ở trên: vai trò, địa vị chuẩn, quyền lực, mức độ hình thức hoá, phức tạp hóa và tập trung hóa của một tổ chức xã hội. . . Ví dụ: nghiên cứu về trí thức, về sự phát triển của một hợp tác xã, về biểu hiện quyền lực ở một đơn vị, cơ quan. . . đều là những nghiên cứu về cơ cấu xã hội.

Gọi một cách chính xác, thì loại 1 có thể là "Cơ cấu xã hội của xã hội Việt Nam (của tỉnh, của huyện, xã, cơ quan, nhà máy nào đó hiện nay (hoặc trước đây) như thế nào?", còn loại 2 là "Những nghiên cứu cụ thể về cơ cấu xã hội" hoặc "Những nghiên cứu về mặt *cơ cấu* (không phải về mặt văn hóa) của xã hội". Lẫn lộn hai loại này có thể dẫn đến những sai lầm về mặt phương pháp, thậm chí bế tắc không có lối ra. Cần lưu ý rằng loại 1 không đòi hỏi phải có trình độ xã hội học. Nhưng để giải thích được những con số thu thập được ở loại 1, cần phải có những nghiên cứu thuộc loại 2, ở đây tri thức xã hội học là điều cần thiết và chính là "trận địa của nhà xã hội học: Chính từ đây, chẳng những nhà xã hội học có thể đóng góp vào việc phục vụ đời sống mà còn đóng góp vào kho tàng lý thuyết chung về vấn đề cơ cấu xã hội, một vấn đề đang còn mở ra nhiều cuộc tranh luận lý thú"³.

Chuyển đổi định hướng (Tiếp theo trang 38)

cộng đồng ở Đình Bảng có thể giúp chúng ta hình dung diễn biến của quá trình này. Tính mở rộng của các quan hệ thị trường có thể làm cho ý thức gia tộc giảm xuống so với ý thức cộng đồng của họ. Trong khi ở các địa phương mà sản xuất hàng hóa chưa phát triển, nhất là những nơi chỉ chuyên nghề nông thì quan hệ cộng đồng

² Fernand Dumont, "Notes sur l'analyse des idéologies". Tạp chí *Recherches sociographiques* 4, số 2, 1 963, tr. 157.

³ Thật ra, còn một khía cạnh khác cần phân tích, đó là hai nguồn gốc của khái niệm cơ cấu khi bàn về cơ cấu xã hội: nguồn gốc từ thuyết sinh vật của H. Spencer và A. R. Radcliffe-brown và nguồn gốc từ ngôn ngữ học của C. Levi-strauss. Chính từ hai khái niệm đối lập nhau này mà có những cách hiểu khác nhau về cơ cấu xã hội về mặt lý luận.

Mong rằng sẽ còn có dịp đề cập vấn đề này.

thường bị xem nhẹ hơn quan hệ họ hàng. Vì thế mà sự tranh giành quyền lực cộng đồng ở đây thường gắn với tư tưởng gia đình, thân tộc. Cho nên ở những vùng sản xuất hàng hóa phát triển đời sống xã hội truyền thống có phần được phục hồi mạnh mẽ hơn hẳn các vùng có trình độ sản xuất thấp kém hơn, nhưng tính tích cực của nó thông qua sự cố kết gia đình, dòng họ và tổ chức lại đời sống cộng đồng không nhất thiết đẩy tới những xung đột và mâu thuẫn - xã hội mà thậm chí còn thống nhất hơn ở các vùng khác Sự thay đổi trình độ sản xuất và những hình thức kinh tế theo hướng chuyển sang sản xuất hàng hóa tự nó có thể giả định sự thay đổi bản sắc cộng đồng gia tộc, địa vực thành bản sắc nghề nghiệp, như đã xảy ra ở các xã hội công nghiệp cho phép khác phục tính hẹp hòi cục bộ của những cộng đồng .trong nền nông nghiệp truyền thống.

Trên bình diện văn hóa, những định hướng giá trị hướng vào hiệu quả kinh tế trong hoạt động sản xuất và quản lý cũng phản ánh những đòi hỏi của chủ nghĩa xã hội ở bất cứ trình độ nào. Sự hướng tới các hình thức hợp tác tự nguyện và tự do trong kinh tế của người sản xuất cũng là nhu cầu giải phóng sức sản xuất xã hội và sự phát triển nhân cách của con người mới đòi hỏi. Đó là sự hình thành những kiểu con người năng động trong đời sống kinh tế xã hội, gắn bó với tự liệu sản xuất, biết yêu quý sức lao động của mình và dám chịu trách nhiệm trước mọi hành động của mình trên cơ sở những hiểu biết và kinh nghiệm sản xuất cá nhân. Con người mới tham gia thực sự vào các hoạt động xã hội - chính trị bằng niềm tin sâu sắc của mình để không trở nên hình thức, hững hờ hay giả tạo trước những biến cố đang xảy ra trong đời sống xã hội ở nơi họ sống. Và trong hệ thống nhân cách của mình họ không có sự xung đột vai trò do sự mâu thuẫn quyền lợi giữa gia đình - cộng đồng và xã hội quy định. Sự thừa nhận của xã hội một cách công khai những lợi ích cá nhân đã tạo cho mỗi con người cơ sở pháp lý, đạo đức cho hoạt động kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa hợp thức của các cá nhân. Và trong bối cảnh ấy sự thừa nhận vị trí hàng đầu của năng lực kinh tế (biết làm giàu), kết hợp hài hòa với những phẩm chất truyền thống như "đạo đức" và "có học vấn" vẫn có thể cho chúng ta một hình ảnh tương lai của con người mới mà chúng ta đang cố vũ . .